

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒);

Nội dung không đúng thì để trống: ☐

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Dược học;

Chuyên ngành: Dược lâm sàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI THỊ HƯƠNG QUỲNH

2. Ngày tháng năm sinh: 09/05/1982; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Lương Sơn, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 1302. Cao ốc 86 Tân Đà, phường 11, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 1302. Cao ốc 86 Tân Đà, phường 11, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0912261353; E-mail: bthquynh@ump.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 01/2011 đến nay: Giảng viên bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược, ĐHYD Tp. Hồ Chí Minh

Từ 06/2018 đến nay: Dược sĩ lâm sàng, Khoa Dược, Bệnh viện Thống Nhất, Tp. Hồ Chí Minh

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên, dược sĩ lâm sàng; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên, dược sĩ lâm sàng.

Cơ quan công tác hiện nay:

- Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược, ĐHYD Tp. Hồ Chí Minh.
- Khoa Dược, Bệnh viện Thống Nhất, Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 41 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh



Điện thoại cơ quan: (82) 2838295641; Địa chỉ e-mail: khoaduoc@uphmc.edu.vn; Fax: (81)2838225435.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 06 năm 2007, ngành: Dược, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Y khoa Matxcova mang tên I.M. Sechenov, Liên bang Nga.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 11 năm 2010, ngành: Dược, chuyên ngành: Dược lý-Dược lâm sàng.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Y khoa Matxcova mang tên I.M. Sechenov, Liên bang Nga.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: ĐH Y Dược Tp. Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Dược học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Đánh giá hiệu quả can thiệp của dược sĩ lâm sàng trên cải thiện các kết cục lâm sàng, hiệu quả điều trị cho bệnh nhân.
- Khảo sát thực trạng sử dụng thuốc, phản ứng có hại của thuốc.
- Đánh giá tính hợp lý của việc kê đơn thuốc nội trú và ngoại trú, đánh giá sự tuân thủ phác đồ điều trị bệnh của bác sĩ, đánh giá sự tuân thủ điều trị bằng thuốc và chất lượng cuộc sống của bệnh nhân.
- Đánh giá các yếu tố liên quan đến bệnh lý hoặc hiệu quả điều trị một số bệnh lý mạn tính của bệnh nhân.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 12 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS ((Hướng dẫn chính).
- Đã hướng dẫn 1 HV bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa I (Hướng dẫn chính).

- Đã hoàn thành 8 đề tài NCKH cấp cơ sở (Chủ nhiệm đề tài)
- Đã công bố 56 bài báo KH, trong đó 4 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong danh mục SCOPUS) sau bảo vệ luận án TS;
- Số lượng sách đã xuất bản 6, trong đó 6 thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước (Nhà xuất bản Y học);

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

1. Bui Thi Huong Quynh*, Pham Xuan Khoi, Tran Hoang Tien, Pham Thi Tuyen Lan, Nguyen Nhu Ho. Impact of a pharmacist-led educational intervention on quality of life among patients with asthma. Asian journal of pharmaceutical and clinical research, 2019, 12(6), 307-312 (Scopus, Print-ISSN 2455-3891, E-ISSN 0974-2441, IF 0,67)
2. Bui Thi Huong Quynh*, Luu Thi Hoa, Vo Thanh Toan. Local infiltration analgesia with bupivacaine reduces postoperative pain and opioid consumption after joint replacements in a Vietnamese hospital. Pharmaceutical Sciences Asia, 2019, 46(3), 147-155. (Scopus, Print-ISSN 2586-8195; E-ISSN 2586-8470; IF 0,109)
3. Vu Thi Xuan, Bui Thi Huong Quynh*. The effect of the pharmacist's intervention on Potentially Inappropriate Medication Prescription in Older Adults in a Vietnamese Hospital. Pharmaceutical Sciences Asia, 2019, 46(1), 54-61. (Scopus, Print-ISSN 2586-8195; E-ISSN 2586-8470; IF 0,109)
4. Ngo Xuan Tinh, Ngo Thi Thanh Quyt, Vo Duy Thong, Bui Thi Huong Quynh*. The treatment of non-variceal gastrointestinal bleeding: An investigation in a Vietnamese hospital. Pharmaceutical Sciences Asia, 2018, 45(3), 184-194 (Scopus, Print-ISSN 2586-8195; E-ISSN 2586-8470; IF 0,109).
5. Nguyen Thi Hoang Linh, Pham Thi Thu Hien, Bui Thi Huong Quynh*. Prevalence and related factor for injectable vancomycin or teicoplanin-associated thrombocytopenia in a Vietnamese hospital. Mahidol University journal of Pharmaceutical sciences 2015; 42(4), 178-185 (Print-ISSN 2586-8195; E-ISSN 2586-8470).

* tác giả chính, tác giả liên hệ của bài báo

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Danh hiệu thi đua

STT	Quyết định số	Danh hiệu
1	NH 2011-2012: QĐ số 1328/QĐ/YD-TC ngày 18/10/2012	Chiến sĩ thi đua
2	NH 2012-2013: QĐ số 3845/QĐ-ĐHYD-TC-HC ngày 29/10/2013	Chiến sĩ thi đua
3	NH 2015-2016: QĐ số 4652/QĐ-ĐHYD ngày 28/11/2016	Chiến sĩ thi đua

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt
- Giáo dục, giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục
- Thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục
- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và nội quy, điều lệ của nhà trường.
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học.
- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.
- Trung thực, khách quan và hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học và công nghệ.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và sự phân công của tổ chức.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 8 năm 6 tháng.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD khoá luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2010 – 2011				1	406,76	0	406,76
2	2011 – 2012				2	486,68	21,00	507,68
3	2012 – 2013				3	377,00	99,60	476,60
4	2013 – 2014			3	2	151,15	136,00	287,15
5	2014 – 2015				2	523,13	252,00	775,13
6	2015 – 2016			3	3	966,15	254,60	1211,75
3 thâm niên cuối:								
7	2016 – 2017			3	2	644,22	220,45	864,67
8	2017 – 2018			3	2	821,04	287,94	1108,98
9	2018 – 2019 (tới tháng 6//2019)			2*	3**	400	200	600

* bảo vệ vào tháng 9/2019; ** bảo vệ vào tháng 7/2019

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Nga, Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☒; Tại nước: Liên bang Nga; Từ năm 2001 đến năm 2007.

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Liên bang Nga năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : Tiếng Nga

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Y khoa Matscova mang tên I.M. Sechenov
(Đối tượng: sinh viên đại học, môn học: dược lý – dược lâm sàng, vị trí: trợ giảng).

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Phương Mai		x	x		2012-2014	ĐH Y Dược TP HCM	2014
2	Mai Song Thủy		x	x		2012-2014	ĐH Y Dược TP HCM	2014
3	Lương Minh Chung		x	x		2012-2014	ĐH Y Dược TP HCM	2014
4	Hà Nguyễn Y Khuê		x	x		2014-2016	ĐH Y Dược TP HCM	2016
5	Vũ Thị Xuân		x	x		2014-2016	ĐH Y Dược TP HCM	2016
6	Mai Thị Quỳnh Phương		x	x		2014-2016	ĐH Y Dược TP HCM	2016
7	Phạm Xuân Khôi		x	x		2015-2017	ĐH Y Dược TP HCM	2017
8	Đỗ Thị Phương Dung		x	x		2015-2017	ĐH Y Dược TP HCM	2017
9	Đỗ Thị Thủy		x	x		2015-2017	ĐH Y Dược TP HCM	2017
10	Nguyễn Thị Duyên Anh		x	x		2016-2018	ĐH Y Dược TP HCM	2018
11	Trần Thị Mỹ Cung		x	x		2016-2018	ĐH Y Dược TP HCM	2018
12	Ngô Thị Phương Hồng		x	x		2016-2018	ĐH Y Dược TP HCM	2018

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ học vị TS						
Sau khi bảo vệ học vị TS						
1	Cơ sở dữ liệu ca lâm sàng. Tập 1	TK	NXB Y học, 2012	13	Biên soạn trang 85-89; 124-130; 134-139; 281-283, 297-300; 327-329; 345-348; 394-399	30/GCN-ĐHYD
2	Cơ sở dữ liệu ca lâm sàng. Tập 2	TK	NXB Y học, 2012	13	Biên soạn trang 165-179; 261-271; 281-291	31/GCN-ĐHYD
3	Cơ sở dữ liệu ca lâm sàng. Tập 3.	TK	NXB Y học, 2012	13	Biên soạn trang 105-109; 135-143; 206-213; 245-252; 396-412	32/GCN-ĐHYD
4	Thông tin thuốc	TK	NXB Y học, 2015	6	Biên soạn trang 88-108	36/GCN-ĐHYD
5	Dược động học vancomycin và aminoglycosid trong thực hành lâm sàng	TK	NXB Y học, 2018	10	Biên soạn trang 8-12	43/GCN-ĐHYD
6	Dược lâm sàng Đại cương	GT	NXB Y học, 2019	9	Biên soạn trang 14-37; 183-208	562/QĐ-ĐHYD

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS): **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Khảo sát tình hình sử dụng dịch truyền tại Bệnh viện Thống Nhất	CN	QĐ 987/QĐ-ĐHYD-NCKH ngày 25/12/2012; Cấp trường (ĐH Y Dược TPHCM)	2012-2013	26/4/2013
2	Khảo sát hiệu quả điều trị viêm gan siêu vi B mạn tính trong năm điều trị đầu tiên.	CN	QĐ 3360/QĐ-ĐHYD-NCKH ngày 2/10/2013; Cấp trường (ĐH Y Dược TPHCM)	2012-2013	17/10/2013
3	Khảo sát việc sử dụng thuốc cho bệnh nhân từ 65 tuổi trở lên theo tiêu chuẩn Beers tại một bệnh viện đa khoa ở TP. Hồ Chí Minh.	CN	QĐ 3360/QĐ-ĐHYD-NCKH ngày 2/10/2013; Cấp trường (ĐH Y Dược TPHCM)	2012-2013	17/10/2013
4	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc phòng huyết khối cho BN rung nhĩ tại bệnh viện Thống Nhất TP. Hồ Chí Minh.	CN	QĐ 4436/QĐ-ĐHYD-NCKH ngày 26/11/2015; Cấp trường (ĐH Y Dược TPHCM)	2015-2016	17/2/2016
5	Khảo sát điều trị Parkinson ở bệnh viện Thống Nhất TP. Hồ Chí Minh.	CN	QĐ 4436/QĐ-ĐHYD-NCKH ngày 26/11/2015; Cấp trường (ĐH Y Dược TPHCM)	2015-2016	17/2/2016
6	Nghiên cứu tỷ lệ nhập viện do những biến cố liên quan đến thuốc tại một số bệnh viện trọng điểm tại Việt Nam	Tham gia	QĐ số 444/QĐ DHN ngày 11/5/2016; Cấp trường (ĐH Dược Hà Nội)	01-12/2016	12/2016
7	Đánh giá hiệu quả điều trị giảm đau đa mô thức trên bệnh nhân sau phẫu thuật thay khớp háng tại bệnh viện Thống Nhất.	CN	QĐ 4276/QĐ-ĐHYD-NCKH ngày 4/11/2016; Cấp trường (ĐH Y Dược TPHCM)	2016-2017	15/3/2017
8	Khảo sát tình hình sử dụng và các yếu tố liên quan đến sự giảm tiêu cầu khi sử dụng vancomycin và teicoplanin	CN	QĐ 4276/QĐ-ĐHYD-NCKH ngày 4/11/2016; Cấp trường (ĐH Y Dược TPHCM)	2016-2017	15/3/2017
9	Đánh giá hiệu quả điều trị của bupivacain trên bệnh nhân sau phẫu thuật thay khớp gối tại bệnh viện Thống Nhất	CN	QĐ 3926/QĐ-ĐHYD-NCKH ngày 21/9/2017; Cấp trường (ĐH Y Dược TPHCM)	2016-2017	10/10/2017

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn	Tập / số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị TS								
<i>Bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín</i>								
1	Pharmacokinetic study of the nanosomal and free formulations of sparfloxacin.	5 (1/5)	Farmatsiya (Tiếng Nga)	Scopus, ISI IF = 0,23 ISSN 0367-3014		2	42-44	2010
2	Evaluation of the quality of a nanosomal formulation of sparfloxacin	6 (1/6)	Farmatsiya (Tiếng Nga)	Scopus, ISI IF = 0,23 ISSN 0367-3014		3	19-21	2010
<i>Bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế khác</i>								
3	The basic directions in technology of drug nanocarriers.	4 (4/4)	Bulletin of new medical technologies (Tiếng Nga)	ISSN 1609-2163		2	17-20	2009
Sau khi bảo vệ học vị TS								
<i>Bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín</i>								
4	The treatment of non-variceal gastrointestinal bleeding: An investigation in a Vietnamese hospital	4 (4*/4)	Pharmaceutical sciences Asia	Scopus SciFinder IF = 0,109 ISSN 2586-8195		45 (3)	184-194	2018
5	The effect of the pharmacist's intervention on potentially inappropriate medication prescription in older adults in a Vietnamese hospital	2 (2*/2)	Pharmaceutical sciences Asia	Scopus SciFinder IF = 0,109 ISSN 2586-8195		46 (1)	54-61	2019

6	Local infiltration analgesia with bupivacaine reduces postoperative pain and opioid consumption after joint replacements in a Vietnamese hospital	3 (1*/3)	Pharmaceutical sciences Asia	Scopus SciFinder IF = 0,109 ISSN 2586-8195		46 (3)	147-155	2019
7	Impact of a pharmacist-led educational intervention on quality of life among patients with asthma.	5 (1/5)	Asian journal of pharmaceutical and clinical research	Scopus ISSN 2455-3891 Print ISSN 0974-2441 IF = 0,67		12 (6)	307-312	2019

Bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế khác

8	Prevalence and related factor for injectable vancomycin or teicoplanin-associated thrombocytopenia in a Vietnamese hospital	3 (3*/3)	Mahidol University journal of Pharmaceutical sciences	SciFinder IF = 0,109 ISSN 0125-1570		42 (4)	178-185	2015
9	Efficacy of multimodal pain management in patients undergoing hip replacement in a Vietnamese hospital	3 (3*/3)	Mahidol University journal of Pharmaceutical sciences	SciFinder IF = 0,109 ISSN 0125-1570		42 (4)	153-161	2015
10	Evaluation of pharmacists' role in rational use of antithrombotic drugs in patients with non-valvular atrial fibrillation	5 (5*/5)	Mahidol University journal of Pharmaceutical sciences	SciFinder IF = 0,109 ISSN 0125-1570		43 (2)	85-90	2016

Bài báo công bố trên các tạp chí trong nước

11	Khảo sát việc sử dụng thuốc cho bệnh nhân từ 65 tuổi trở lên tại một bệnh viện ở TP Hồ Chí Minh	3 (3*/3)	Tạp chí Y học thực hành, 2012, 852-853, 97-101	ISSN 1859-1663		852 - 853	97-101	2012
12	Khảo sát đáp ứng điều trị viêm gan siêu vi B mạn tính trong năm điều trị đầu tiên	3 (2/3)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		18 (2)	95-99	2014

13	Khảo sát việc sử dụng thuốc chống huyết khối đường uống cho bệnh nhân rung nhĩ không do van tim tại Bệnh viện Thống Nhất TP Hồ Chí Minh	3 (3/3)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		19 (3)	367-372	2015
14	Khảo sát việc điều trị hội chứng ruột kích thích tại BV Nhân Dân Gia Định	2 (2/2)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		19 (3)	360-366	2015
15	Đánh giá hiệu quả dự phòng thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch bằng enoxaparin trên bệnh nhân thay khớp háng tại bệnh viện Thống Nhất	4 (3/4)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		19 (3)	340-345	2015
16	Đánh giá vai trò của dược sĩ trong việc tư vấn hiệu chỉnh liều thuốc trên bệnh nhân suy thận mạn	2 (2/2)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		19 (3)	373-379	2015
17	Safety and tolerability of Ama Kong capsules: A phase I trial	4 (2/4)	Journal of Medicinal Materials	ISSN 1859-1779		20 (5)	291-296	2015
18	Prevalence and dietary risk factors of irritable bowel syndrome in Vietnamese pharmacy students	3 (3/3)	Vietnamese journal of medicine and pharmacy	ISSN 0866-7942		8(2)	44-51	2015
19	Đánh giá vai trò của dược sĩ trong việc kê đơn thuốc điều trị rối loạn lipid huyết ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại Bệnh viện Thống Nhất	4 (1/4)	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (1)	131-136	2018
20	Khoả sát tình hình sử dụng Amiphargen tại bệnh viện Thống Nhất	3 (3*/3)	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (1)	124-130	2018
21	Thẩm định độ tin cậy của bộ câu hỏi Mini asthma quality of life questionnaire (MiniAQLQ) phiên bản tiếng Việt	3 (3*/3)	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (1)	119-123	2018

22	Đánh giá hiệu quả kiểm soát đau bằng phương pháp giảm đau dự phòng trên bệnh nhân phẫu thuật làm cứng cột sống tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất Đồng Nai	2 (2*/2)	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (1)	111-118	2018
23	Đánh giá hiệu quả can thiệp của Dược sĩ đối với khả năng kiểm soát hen của bệnh nhân hen phế quản tại bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	3 (3*/3)	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (1)	103-110	2018
24	Khảo sát hiệu quả của thuốc erotinib trong điều trị bước một ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn tiến xa có đột biến EGFR tại bệnh viện quân Y175	2 (2*/2)	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (1)	96-102	2018
25	Khảo sát chất lượng cuộc sống của bệnh nhân hen phế quản tại Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh	3 (3*/3)	Tạp chí nghiên cứu dược và thông tin thuốc	ISSN 1859-364X		9(2)	7-9	2018
26	Khảo sát tỷ lệ và các yếu tố liên quan đến tình trạng kém đáp ứng với yếu tố kích thích tạo hồng cầu (ESA) ở bệnh nhân điều trị bằng thay thế thận tại bệnh viện Thống Nhất	4 (2*/4)	Tạp chí Y học TP HCM	ISSN 1859-1779		22 (5)	400-405	2018
27	Thẩm định bộ câu hỏi Irritable bowel syndrome quality of life questionnaire (IBS-QoL) phiên bản tiếng Việt	4 (3/4)	Tạp chí Y học TP HCM	ISSN 1859-1779		22 (5)	396-399	2018

28	Đánh giá hiệu quả của việc phối hợp giữa bác sĩ và dược sĩ khi kê đơn thuốc cần hiệu chỉnh liều cho bệnh nhân suy thận mạn	3 (1/3)	Tạp chí Y học TP HCM	ISSN 1859-1779		22 (5)	406-410	2018
29	Khảo sát tỷ lệ và các yếu tố liên quan đến rối loạn chuyển hóa ở bệnh nhân trầm cảm	2 (2*/2)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (5)	51-56	2018
30	Khảo sát chất lượng cuộc sống của bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại bệnh viện đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh	2 (2*/2)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (5)	57-63	2018
31	Đánh giá hiệu quả giảm đau của ropivacain trong phong bế vết mổ trên bệnh nhân phẫu thuật thay khớp tại Bệnh viện Thống Nhất	3 (3*/3)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (6)	139-144	2018
32	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị suy tim mạn tính ở người cao tuổi tại bệnh viện Thống Nhất	2 (2*/2)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (6)	96-102	2018
33	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại một số khoa Ngoại, bệnh viện Thống Nhất	6 (4*/6)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		22 (6)	158-165	2018
34	Khảo sát chất lượng sống và các yếu tố liên quan đến chất lượng sống của bệnh nhân mắc hội chứng ruột kích thích	4 (4*/4)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779				2018
35	Đánh giá hiệu quả can thiệp của dược sĩ trên sự tuân thủ sử dụng thuốc của bệnh nhân Đái tháo đường typ 2 có kèm tăng huyết áp	2 (1*/2)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		474	168-173	2019

36	Đánh giá hiệu quả can thiệp của dược sĩ trong việc cải thiện kỹ thuật sử dụng dụng cụ hít thuốc ở bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	5 (1/5)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		474	116-120	2019
37	Hiệu quả can thiệp tư vấn của dược sĩ trên việc cải thiện tuân thủ điều trị ở bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	5 (1/5)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		475	64-67	2019
38	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng viêm không steroid tại bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	4 (4*/4)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		475	68-72	2019
39	Khảo sát việc điều trị viêm âm đạo tại bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	4 (4*/4)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		475	113-116	2019
40	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm phổi bệnh viện tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	4 (1/4)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		476 (1, 2)	130-133	2019
41	Đánh giá việc kê đơn trên bệnh nhân cao tuổi bằng tiêu chuẩn STOPP và START tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	4 (1/4)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		476 (1, 2)	87-91	2019
42	Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành của người chăm sóc trẻ bị tiêu chảy tại Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai	4 (1/4)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		477 (1)	43-46	2019
43	Đánh giá hiệu quả của bài tập thể dục và tư vấn dược lâm sàng đến chất lượng cuộc sống của bệnh nhân Parkinson tại Bệnh viện đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	2 (1/2)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		477 (1)	83-87	2019

44	Khảo sát việc sử dụng thuốc và tuân thủ điều trị ở bệnh nhân trầm cảm tại bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	4 (1/4)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		477 (2)	73-76	2019
45	Khảo sát tính hợp lý kê đơn thuốc kháng đông không kháng vitamin K trên bệnh nhân rung nhĩ không do van tim tại bệnh viện Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh	4 (4*/4)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		477 (2)	29-31	2019
46	Khảo sát việc tuân thủ sử dụng thuốc chống loãng xương trên bệnh nhân sau gãy cổ xương đùi tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình TP.HCM	4 (1/4)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		478 (1)	59-62	2019
47	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hiệu quả điều trị trầm cảm tại bệnh viện tâm thần Thành phố Hồ Chí Minh	4 (4*/4)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		478 (1)	115-118	2019
48	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm trùng chân do đái tháo đường tại Bệnh viện Thống Nhất Tp. Hồ Chí Minh	2 (1*/2)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		478 (2)	116-121	2019
49	Khảo sát tình hình điều trị viêm tụy cấp tại Bệnh viện Thống Nhất	2 (1*/2)	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh	ISSN 1859-1779		23 (3)	23-29	2019
50	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Thống Nhất	2 (1*/2)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		478 (2)	174-179	2019
51	Khảo sát sự tuân thủ sử dụng thuốc của bệnh nhân suy tim tại bệnh viện Thống Nhất TP. Hồ Chí Minh	3 (1*/3)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		478 (2)	76-79	2019

52	Khảo sát tình hình sử dụng vancomycin tại bệnh viện Thống Nhất, TP. Hồ Chí Minh	2 (1*/2)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		479 (1)	66-70	2019
53	Đánh giá hiệu quả hoạt động duyệt đơn thuốc ngoại trú của dược sĩ trong việc kê đơn hợp lý thuốc giảm đau	3 (1/3)	Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN 1859-1868		479 (1)	118-122	2019
<i>Báo cáo khoa học được xuất bản toàn văn hoặc trong kỷ yếu có mã số chuẩn quốc tế (ISBN) của hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế</i>								
54	Prevalence and errors of prescribing intravenous fluids in a Vietnamese Hospital	3 (3*/3)	Proceeding of the 7 th Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences				153-156	2011
55	Treatment of the complications of cirrhosis at department of gastroenterology in Gia Dinh people's hospital, Vietnam	3 (3*/3)	Proceeding of the 8 th Pharma Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences				545-551	2013
56	Drug-use patterns and role of clinical pharmacists in treatment of Parkinson's disease in a Vietnamese hospital	3 (3*/3)	Proceeding of the 8 th Pharma Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences				632-636	2013

Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS:

- Bui Thi Huong Quynh*, Pham Xuan Khoi, Tran Hoang Tien, Pham Thi Tuyet Lan, Nguyen Nhu Ho. Impact of a pharmacist-led educational intervention on quality of life among patients with asthma. Asian journal of pharmaceutical and clinical research, 2019, 12(6), 307-312 (Scopus, Print-ISSN 2455-3891, E-ISSN 0974-2441, IF = 0,67)
- Bui Thi Huong Quynh*, Luu Thi Hoa, Vo Thanh Toan. Local infiltration analgesia with bupivacaine reduces postoperative pain and opioid consumption after joint replacements in a Vietnamese hospital. Pharmaceutical Sciences Asia, 2019, 46(3), 147-155. (Scopus, Print ISSN 2586-8195; E-ISSN 2586-8470, IF = 0,109)
- Vu Thi Xuan, Bui Thi Huong Quynh*. The effect of the pharmacist's intervention on Potentially Inappropriate Medication Prescription in Older Adults in a Vietnamese

Hospital. Pharmaceutical Sciences Asia, 2019, 46(1),54-61. (Scopus, Print ISSN 2586-8195; E-ISSN 2586-8470, IF = 0,109)

- Ngo Xuan Tinh, Ngo Thi Thanh Quyt, Vo Duy Thong, Bui Thi Huong Quynh*. The treatment of non-variceal gastrointestinal bleeding: An investigation in a Vietnamese hospital. Pharmaceutical Sciences Asia, 2018,45(3), 184-194 (Scopus, Print ISSN 2586-8195; E-ISSN 2586-8470, IF = 0,109)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ ☐
- Hướng dẫn NCS,ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TPHCM, ngày 22 tháng 6 năm 2019

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Thị Hương Quỳnh

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI NGƯỜI ĐĂNG KÝ ĐANG LÀM VIỆC

TS. Bùi Thị Hương Quỳnh, sinh ngày 09/05/1982, nơi sinh: Thái Nguyên. Là giảng viên giảng dạy biên chế từ năm 2011 tại bộ môn Dược lâm sàng, khoa Dược, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh. Trong quá trình công tác, TS. Bùi Thị Hương Quỳnh luôn hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch giờ giảng hàng năm với chất lượng giảng dạy tốt. TS. Bùi Thị Hương Quỳnh đã có nhiều nỗ lực để cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao tính tích cực và chủ động học tập của sinh viên đại học và học viên sau đại học. TS. Bùi Thị Hương Quỳnh có năng lực cao, trung thực và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, đã công bố thành công nhiều nghiên cứu có ý nghĩa trên các tạp chí quốc tế và trong nước.

(Những trường hợp khác, người khai tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai)

TPHCM, ngày 27 tháng 7 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



PGS.TS Trần Đình Tuấn